TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HSST.
Ngày: 18/5/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đ Hòa.
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:** Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/HSST, ngày 27/3/2023, đối với các bị cáo:

1. Hà Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1993, tại tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Số chứng minh nhân dân: 272216950; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; con ông Hà Thanh C và bà Nguyễn Thị S. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+ Ngày 26/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù giam về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 123/2010/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 12/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 24/2015/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 06/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (đã chấp hành xong quyết định).

Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 16/9/2022 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa)

2. **Nguyễn Anh T, sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Nai.**

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Số chứng minh nhân dân: 075082044877; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị G. Vợ Vũ Thị Tuyết V, sinh năm 1985, có 04 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: 01. Ngày 13/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2020/HSST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2020/HSST là 02 năm 06 tháng tù.

Về nhân thân:

+ Ngày 21/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 96/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 30/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 86/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 17/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 01 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 17/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 45/2016/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 26/4/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 36/2018/HSST (đã chấp hành xong bản án).

+ Ngày 21/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 10/2020/HSST (đã chấp hành xong bản án).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2022 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ L, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng*: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 16/9/2022, Nguyễn Anh T điều khiển xe mô tô biển số 84K6 – 8443 (Xe do Hà Nguyễn Thành Đ mượn của một người tên Hiếu không rõ nhân thân lai lịch) chở Hà Nguyễn Thành Đ đi đến nhà bà Đoàn Thị M ở thôn 4, xã MH để ăn đám giỗ. Trước khi đi, Đ tự chuẩn bị mang theo 01 đoạn bẻ khóa xe tự chế (gồm 01 thanh kim loại dạng ống điếu hình chữ L màu trắng, có dòng chữ

"8MM BARKER r CR – V 8MM" và 01 thanh kim loại dạng hình lục giác có một đầu dẹp và một đầu lục giác) với mục đích trên đường đi nếu phát hiện xe mô tô của người khác sở hở không có người trông coi sẽ bẻ khóa chiếm đoạt. Khi T chở Đ đi đến địa phận thôn 1, xã Đ L thì T nhìn thấy nhà bà Trần Thị Bình có 01 xe mô tô biển số 93L1 – 047.25 đang dựng trước sân không có người trông coi, nên T nói với Đ "Đ ơi, lấy xe này bán kiếm tiền phụ đám giỗ vì không có tiền", Đ đồng ý. Sau đó T dừng xe đứng ở ngoài đường cảnh giới, còn Đ đi bộ vào trong sân, dùng đoản bẻ khóa xe mô tô biển số 93L1 – 047.25. Sau khi bẻ được khóa thì Đ khởi động máy điều khiển xe mô tô biển số 93L1 – 047.25, còn T điều khiển xe mô tô biển số 84K6 – 8443 cùng về nhà bà MM để ăn giỗ. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi T và Đ đang ăn đám giỗ nhà bà MM ở thôn 4, xã MH thì bị Công an huyện B phát hiện, bắt giữ người cùng tang vật.

Tại Kết luận định giá T sản số 92/KL-ĐG ngày 23/9/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, xác định: 01 xe mô tô biển số: 93L1 – 047.25 màu đỏ đen, hiệu Yamaha, loại Sirius, số khung S5c630BY467625, số máy 5C63 - 467669 tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 6.500.000 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 108/KL-VPYTW ngày 21/02/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đối với Nguyên Anh T, xác định:

- Về y học trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu (F10.71 – ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Tại cáo trạng số 41/CTr –VKS ngày 24/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Hà Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Anh T về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố các bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản. Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Nguyễn Anh Thành Đ từ 06 đến 09 tháng tù. Các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại và đã nhận lại T sản, không ai có yêu cầu gì nên không xem xét. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về án phí buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Không ai có ý kiến về tội

danh, mức hình phạt, kết luận giám định, vật chứng thu giữ.

Bị hại không có ý kiến về tội danh truy tố, đã nhận lại T sản nên không yêu cầu bồi thường thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và xác định tội danh đối với các bị cáo:

Do có ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 09 giờ 00 ngày 16/9/2022 Hà Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Anh T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 93L1 – 047.25 của bà Trần Thị B tại thôn 1, xã Đ L, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi chiếm đoạt được thì Đ điều khiển xe mô tô biển số 93L1 – 047.25, còn T điều khiển xe mô tô, biển số 84K6 – 8443 cùng về nhà bà Đoàn Thị MM ở thôn 4, xã MH để ăn giỗ. Đến 20 giờ 20 phút cùng ngày, T và Đ bị Công an huyện B phát hiện, bắt giữ người cùng tang vật.

Hội đồng xét xử thấy hành vi lén lút chiếm đoạt T sản thuộc quyền sở hữu của người khác có giá trị 6.500.000 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Anh T bị hạn chế một phần khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo Hà Nguyễn Thành Đ là người đã thành niên và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra. Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận vẫn nhận thức được hành vi phạm tội tại thời điểm thực hiện phạm tội là trái pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật. Các bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Trong đó bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội khi chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm. Nguyên nhân phạm tội là do các bị cáo lười lao động và coi thường pháp luật muốn có tiền tiêu xài nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi

của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, cũng cần phân hóa vai trò từng bị cáo khi thực hiện phạm tội. Trong đó bị cáo Đ đóng vai trò tích cực là người chuẩn bị phương tiện, công cụ, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo T. Bị cáo T thực hiện với vai trò đồng phạm trong việc giúp sức, đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo Đ thực hiện phạm tội đóng vai trò thứ yếu so với bị cáo Đ, ngoài ra bị hạn chế năng lực nhận thức nên cần xử mức án tương xứng với hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh T thời điểm phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Cụ thể cần tiếp tục cách ly các ra khỏi xã hội một thời gian dài hơn so với mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát để các bị cáo có thời gian suy ngẫm, tự cải tạo mình để trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại T sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô biển số: 93L1 – 047.25 trả cho bà Trần Thị B là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trả tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra cho các chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý thêm.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 84K6 – 8443 đến nay chưa xác minh được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý thêm.

+ Đối với 01 áo khoác Jean, 01 bao lô màu đen, 02 nón bảo hiểm, 01 đoản bẻ khóa xe, 01 thanh kim loại dạng hình lục giác một đầu dẹp một đầu lục giác, 01 áo sơ mi caro dài tay là những công cụ để phạm tội, giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Hà Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Anh T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Nguyễn Thành Đ 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2022.

Quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

01 đoản bẻ khóa gồm 01 thanh kim loại dạng ống điếu hình L màu trắng, có dòng chữ "8MM BARKER r CR – V 8MM" và 01 thanh kim loại dạng lục giác có một đầu dẹp và một đầu hình lục giác. 01 áo khoác Jean màu trắng xám. 01 ba lô màu đen. 01 nón bảo hiểm màu đỏ - vàng – trắng – đen, có dòng chữ Honda An Thành. 01 nón bảo hiểm xanh sọc vàng có dòng chữ Nam Á Bank. 01 áo sơ mi caro dài tay sọc đen trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng T sản số 0009986 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hà Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình